**NGỮ PHÁP TIẾNG ANH (PHẦN 5)**

1. **ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU VÀ DANH ĐỘNG TỪ**
2. **Định nghĩa:**

- **Động từ nguyên mẫu**: động từ chưa chia (chưa biến đổi hình thức ban đầu). Có hai loại: *Động từ nguyên mẫu có To* (ví dụ: *to walk , to plant*) và *Động từ nguyên mẫu không To* (ví dụ: *walk, plant*)

- **Danh động từ**: Động từ có hình thức tận cùng bằng *-Ing. (*ví dụ: *walking, planting)*

*\* lưu ý: Động từ nguyên mẫu và danh động từ có thể làm đối từ trong câu.*

*Ví dụ: He likes reading. ( anh ấy thích đọc sách)*

*( đọc sách (reading) là đối từ của động từ like (thích) )*

1. **Các động từ “like, love, want, stop”**

* ***LIKE + TO VERB/VERB-ING*** (*thích làm gì*)

- khi nói về *sở thích, sự thích thú* thì dùng “*To verb” hoặc “Verb-ing*” đều được.

Trong Anh Anh hay dùng “Verb-ing”, trong Anh Mỹ hay quen nói “to verb”

Ví dụ: I like reading / I like to read. (Tôi thích đọc sách)

- tuy nhiên khi dùng với nghĩa hàm ý là “*nghĩ là nên…”* ( Tôi nghĩ nó có ích nên thích làm mặc dù với tôi nó không thú vị hấp dẫn cho lắm)

So sánh :

- I like to go to the dentist twice a year.

(Tôi muốn đi khám nha sĩ 2 lần mỗi năm) (tôi nghĩ là nên)

- I like going to the dentist.

(Tôi thích đi khám nha sĩ) (tôi thích hành động đi khám của tôi.)

* **LOVE + *TO VERB/VERB-ING*** *(yêu làm cái gì)*

Ví dụ: We love to collect trash. (Chúng tôi yêu việc nhặt rác)

* **WANT + TO VERB** *(muốn làm cái gì)*

Ví dụ: I want to protect the environment. (Tôi muốn bảo vệ môi trường)

* **WANT + ĐỐI TỪ GIÁN TIẾP + TO VERB**

Ví dụ: My mother wants me to plant the trees. (Mẹ tôi muốn tôi trồng cây)

* **STOP + VERBING** ( dừng việc đang làm)

Ví dụ:I stop using plastic bags.

* **STOP + TO VERB** (dừng cái này để làm cái kia)

Ví dụ: On the way home he usually stops to collect trash.

(Trên đường về nhà anh ấy thường xuyên dừng để nhặt rác.)

1. **CÂU MỆNH LỆNH, YÊU CẦU, ĐỀ NGHỊ**

**-** *Cấu trúc 1***: (Please) Động từ nguyên mẫu không "to" .... . - (Xin) Hãy ....**

Ví dụ: Please keep the environment clean. (Xin hãy giữ môi trường sạch sẽ)

*- Cấu trúc 2*: **Do not + Động từ nguyên mẫu không "to"… . - Đừng ....**

Ví dụ: Do not pollute the air. (Đừng làm ô nhiễm không khí)

*- Cấu trúc 3*: **Let’s + Động từ nguyên mẫu không "to". - Chúng ta hãy....**

Ví dụ: Let’s save the Earth together. (Chúng ta hãy cùng nhau bảo vệ Trái đất)

1. **HIỆN TẠI TIẾP DIỄN**

* Cấu trúc:

**Câu khẳng định: Chủ từ + am/ is/ are + Verb- ing**

*I + am* + Verb- ing

*He/ She/ It / Danh từ số ít/ Danh từ không đếm được + is* + Verb-ing

*You/ We/ They/ Danh từ số nhiều + are* + Verb-ing

**Câu phủ định: Chủ từ +** **am/ is/ are + not + Verb- ing**

**Nghi vấn**: **Am/ Is/ Are + Chủ từ + Verb-ing?**

* Cách dùng:
* Diễn tả một hành động ĐANG diễn ra tại lúc nói :

Ví dụ: We are writing now. *(Bây giờ chúng tôi đang viết bài)*

He is watering the plants. (*Thầy ấy đang tưới cây*)

* Diễn tả một hành động nói chung đang diễn ra nhưng không nhất thiết phải đang thực sự diễn ra lúc nói

Cách này thường sử dụng các trạng từ: now, today, this term, this month,…

Ví dụ: The air pollution is rising very fast now.

(Hiện giờ, sự ô nhiễm không khí đang tăng rất nhanh)

* **Cách thêm đuôi ING vào sau động từ**

1. Quy tắc chung

\* Thêm đuôi ING vào sau động từ

Do – doing; go – going; speak – speaking; tell – telling...

2. Những động từ tận cùng bằng 1 chữ E, bỏ E thêm ING

Write – writing; dance – dancing; change – changing; smoke – smoking;

3. Những động từ một âm tiết có tận cùng bằng 1 phụ âm (trừ h, w, x, y), trước phụ âm là một nguyên âm, nhân đôi phụ âm cuối rồi mới thêm ING

Get – getting; run – running; stop – stopping; .....

Nhưng:     fix – fixing ; play – playing

greet – greeting (trước phụ âm là 2 nguyên âm)

work – working (tận cùng bằng 2 phụ âm)

4. Những động từ có hai âm tiết, tận cùng là 1 phụ âm, trước là 1 nguyên âm và trọng âm ở âm cuối, ta nhân đôi phụ âm rồi thêm ING

Begin – beginning; transfer – transferring; permit – permitting; ....

5. Những động từ tận cùng bằng IE, đổi IE thành Y rồi thêm ING

Die – dying; lie – lying; tie – tying

6. Các động từ tận cùng bằng C phải thêm K rồi mới thêm ING

Panic – panicking; traffic – trafficking; minic – minickin

1. **Cách đặt câu hỏi trong tiếng Anh để lấy thông tin**

* Cách đặt câu hỏi với “what” và “who”

Đây là câu hỏi khi muốn biết *chủ ngữ hay chủ thể của hành động*, dùng *What* (cái gì) và *Whom* (ai)

Cấu trúc:

**Who/What + động từ +….?**

**Who/What + is + động từ thêm - Ing …..? (thì hiện tại tiếp diễn)**

Ex: She is collecting trash on the street. (Cô ấy đang nhặt rác trên đường)

🡪 Who is collecting trash on the street? (Ai đang nhặt rác trên đường?)

* Cách đặt câu hỏi tiếng Anh với “What” và “Whom”

Câu hỏi khi muốn biết *đối từ hay đối tượng tác động của hành động*, dùng *What* (cái gì) và *Whom* (ai)

**Whom/ What + trợ động từ (do/ does/ did) + chủ từ + động từ ….. ?**

**Whom/ What + am/is/are + chủ từ + động từ thêm - Ing …..? (thì hiện tại tiếp diễn)**

Ex: My mother wants me to save electricity. ( Mẹ tôi muốn tôi tiết kiệm điện)

🡪 What does your mother want you to save? ( Mẹ bạn muốn bạn tiết kiệm cái gì?)

* Cách đặt câu hỏi với When (khi nào), Where (ở đâu), Why (tại sao), How (như thế nào)

Dùng khi muốn biết *nơi chốn, thời gian, lý do, cách thức của hành động.*

Cấu trúc:

**When/ where/ why/ how + trợ động từ (do, does, did)  + chủ từ + động từ …. ?**

**When/ where/ why/ how**  **+ am/is/are + chủ từ + động từ thêm - Ing …. ?**

**(thì hiện tại tiếp diễn)**

Ex: He is planting trees in the garden now. ( Bây giờ, anh ấy đang trồng cây trong vườn)

🡪 Where is he planting trees now? (Bây giờ anh ấy đang trồng cây ở đâu?)

WHAT: cái gì, cái gì?

WHERE: ở đâu? hỏi về nơi chốn.

WHEN: khi nào? hỏi về thời gian.

WHY: tại sao? hỏi về lý do.

WHO: ai? hỏi về người, chủ ngữ.